

Số: 77/2017/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 12 năm 2017

**NGHỊ QUYẾT**

**Về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách nhà nước các cấp thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Hà Tĩnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH  
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1023/UBTVQH13, ngày 28/8/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số 382/TTr-UBND, ngày 28 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách nhà nước các cấp thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Hà Tĩnh; báo*

*cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

Ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách nhà nước các cấp thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Hà Tĩnh như sau:

### **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách nhà nước các cấp thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 được thực hiện trên phạm vi tỉnh Hà Tĩnh; là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh, của các cấp, các ngành và đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước; đồng thời, là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 (dưới đây gọi tắt là các sở, ngành và địa phương).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trong giai đoạn 2016 - 2020.

#### **Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách trung ương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020**

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 phải tuân thủ các quy định của Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ngành và các cấp chính quyền địa phương.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

4. Ưu tiên bố trí vốn cho các vùng miền núi, biên giới, bãi ngang ven biển, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng, miền trong toàn tỉnh.

5. Việc phân bổ vốn được cân đối trong giai đoạn 05 năm (2016 - 2020), đảm bảo công bằng giữa các đơn vị được thụ hưởng Chương trình. Thực hiện lồng ghép hai Chương trình mục tiêu quốc gia: Giảm nghèo bền vững và Xây dựng nông thôn mới.

6. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

## **Chương II**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn**

Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp cho các địa phương gồm 03 nhóm sau đây:

1. Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo.
2. Tiêu chí dân số và dân tộc thiểu số.
3. Tiêu chí về đơn vị hành chính và các huyện có xã biên giới, xã đặc biệt khó khăn vùng miền núi, bãi ngang ven biển.

#### **Điều 5. Xác định hệ số của từng tiêu chí theo từng Dự án**

##### **1. Dự án 1: Chương trình 30a**

**1.1. Tiểu dự án 2. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển**

a) Phạm vi và đối tượng hỗ trợ:

Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Các tiêu chí cụ thể:

Danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Định mức phân bổ:

- Về vốn đầu tư phát triển: Bình quân 01 tỷ đồng/xã/năm (trong quá trình thực hiện, tùy thuộc vào khả năng cân đối ngân sách trung ương và địa phương, tăng định mức phân bổ vốn đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển cho phù hợp).

- Về kinh phí sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: Bằng 6,3% tổng vốn hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng/xã/năm.

**1.2. Tiểu dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển (kinh phí sự nghiệp)**

a) Phạm vi hỗ trợ: Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối tượng:

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số và phụ nữ thuộc hộ nghèo;

- Nhóm hộ, cộng đồng dân cư trên địa bàn;

- Tổ chức và cá nhân có liên quan;

- Tạo điều kiện để người lao động là đối tượng sau cai nghiện ma túy, đối tượng nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về... thuộc hộ nghèo được tham gia dự án.

c) Các tiêu chí cụ thể:

Danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Định mức phân bổ: 0,3 tỷ đồng/xã/năm.

**1.3. Tiểu dự án 4. Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài (kinh phí sự nghiệp)**

a) Phạm vi hỗ trợ:

Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối tượng hỗ trợ: Lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, lao động cư trú dài hạn trên địa bàn các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển; ưu tiên đối tượng lao động là thanh niên chưa có việc làm, đặc biệt là thanh niên thuộc hộ dân tộc thiểu số nghèo, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

c) Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Điểm
<b>1. Tỷ lệ hộ nghèo</b>	
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 12%:	0,50
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 12% đến dưới 15%:	0,55
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 15% trở lên:	0,60
<b>2. Quy mô hộ nghèo</b>	
- Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 3.000 hộ:	0,50
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 3.000 hộ đến dưới 5.000 hộ:	0,60
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 5.000 hộ trở lên:	0,70
<b>3. Số xã thụ hưởng dự án</b>	
- Mỗi xã được thụ hưởng chính sách	0,30

(Tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo của tỉnh để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào quyết định của UBND tỉnh phê duyệt về số liệu điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020).

d) Định mức phân bổ:

Tổng vốn bố trí cho 01 huyện = A x X.

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho 01 huyện (bằng Tổng kinh phí chia cho tổng hệ số của các huyện thuộc dự án).

X: Tổng các hệ số 03 tiêu chí (tỷ lệ hộ nghèo + quy mô hộ nghèo + số xã thụ hưởng chính sách).

## 2. Dự án 2: Chương trình 135

- a) Các tiêu chí cụ thể
- Tiêu chí về xã (xã khu vực II, xã biên giới);
  - Tiêu chí về thôn đặc biệt khó khăn;
  - Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo;
  - Tiêu chí về dân tộc thiểu số.
- b) Cách tính hệ số các tiêu chí

Tiêu chí	Điểm
<b>1. Tiêu chí về xã (H1):</b>	
- Cứ mỗi xã khu vực II biên giới được tính	9,5
- Cứ mỗi xã khu vực I, xã không thuộc vùng dân tộc và miền núi là xã biên giới được tính	8,5
<b>2. Tiêu chí về thôn đặc biệt khó khăn (H2)</b>	
- Cứ 01 thôn đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư được tính	1,8
<i>Xã khu vực II, xã biên giới, thôn đặc biệt khó khăn theo các Quyết định, Nghị định, Nghị quyết... của cấp có thẩm quyền phê duyệt.</i>	
<b>3. Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo các xã đặc biệt khó khăn (H3):</b>	
- Thấp hơn tỷ lệ chung của cả tỉnh:	0
- Nhỏ hơn hoặc bằng 1,5 lần so với tỷ lệ chung của cả tỉnh:	0,02
- Nhỏ hơn hoặc bằng 2,0 lần so với tỷ lệ chung của cả tỉnh:	0,03
- Nhỏ hơn hoặc bằng 2,5 lần so với tỷ lệ chung của cả tỉnh:	0,04
- Cao hơn 2,5 lần mức tỷ lệ chung của cả tỉnh:	0,05
<i>Tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào quyết định của UBND tỉnh phê duyệt về số liệu điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020.</i>	
<b>4. Tiêu chí về tỷ lệ dân tộc thiểu số (H4)</b>	
- Dưới 20%:	0,03
- Từ 20% - 30%:	0,04
- Trên 30%:	0,05

- Xác định vốn phân bổ:  $X = (M/N) \times Y$

Trong đó:

+ X: Là số vốn phân bổ cho 01 xã.

+ Y: Là tổng hệ số các nội dung của 01 xã:  $Y = (H1+H2) \times (1+H3+H4)$ .

+ N: Là tổng hệ số của các xã cộng lại.

+ M: Là tổng vốn đầu tư phát triển + tổng kinh phí sự nghiệp.

**3. Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 (kinh phí sự nghiệp)**

a) Phạm vi hỗ trợ: Các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135.

b) Đối tượng hỗ trợ:

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số và phụ nữ thuộc hộ nghèo;

- Nhóm hộ, cộng đồng dân cư;

- Tổ chức và cá nhân có liên quan;

- Tạo điều kiện để người lao động là đối tượng sau cai nghiện ma túy, đối tượng nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về... thuộc hộ nghèo được tham gia dự án.

c) Tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Điểm
<b>1. Tỷ lệ hộ nghèo</b>	
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 6%:	0,50
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 6% đến dưới 10%:	0,55
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 10% trở lên:	0,60
<b>2. Quy mô hộ nghèo</b>	
- Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 3.000 hộ:	0,50
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ:	0,60
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 4.000 hộ trở lên:	0,70
<b>3. Tiêu chí về đơn vị hành chính</b>	
Một xã tính:	0,10

Xác định vốn:

Tổng vốn bố trí cho 01 huyện = A x X.

Trong đó:

+ A: Định mức bình quân cho 01 huyện (bằng Tổng kinh phí chia cho tổng hệ số của các huyện thuộc dự án).

+ X: Tổng các hệ số theo 03 tiêu chí (tỷ lệ hộ nghèo + quy mô hộ nghèo + đơn vị hành chính).

#### **4. Dự án 4. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (kinh phí sự nghiệp)**

a) Phạm vi hỗ trợ: Các sở, ngành, các địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, ưu tiên vùng đặc biệt khó khăn, dân tộc miền núi, bãi ngang ven biển.

b) Đối tượng hỗ trợ:

- Người dân, cộng đồng dân cư;
- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Tiêu chí cụ thể:

\* Đối với cấp tỉnh:

Trên cơ sở nội dung, nhiệm vụ triển khai thực hiện các hoạt động về truyền thông và giảm nghèo về thông tin hàng năm để xác định mức kinh phí hỗ trợ.

\* Đối với cấp huyện:

Sau khi thực hiện phân bổ cho cấp tỉnh; phần còn lại được phân bổ theo tiêu chí sau:

Tiêu chí	Điểm
<b>1. Tỷ lệ hộ nghèo</b>	
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 6%:	0,50
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 6% đến dưới 10%:	0,55
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 10% trở lên:	0,60
<b>2. Quy mô hộ nghèo</b>	
- Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 3.000 hộ:	0,50
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ:	0,60
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 4.000 hộ trở lên:	0,70
<b>3. Tiêu chí về đơn vị hành chính</b>	
Một xã tính:	0,10



- *Xác định vốn:*

Tổng vốn bố trí cho 01 huyện = A x X.

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho 01 huyện (Kinh phí được phân bổ cho cấp huyện/tổng hệ số).

X: Tổng các hệ số theo 03 tiêu chí (tỷ lệ hộ nghèo + quy mô hộ nghèo + số xã hành chính).

### ***5. Dự án 5. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình (kinh phí sự nghiệp)***

a) Phạm vi hỗ trợ: Các sở, ngành, các địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, ưu tiên vùng đặc biệt khó khăn, dân tộc miền núi, bãi ngang ven biển.

b) Đối tượng hỗ trợ:

- Đối với hoạt động nâng cao năng lực: Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp (cán bộ thôn, xóm đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ chi hội đoàn thể, cộng tác viên giảm nghèo, người có uy tín), ưu tiên nâng cao năng lực cho cán bộ nữ;

- Đối với công tác giám sát đánh giá: Cơ quan chủ trì Chương trình các cấp, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần các cấp và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Tiêu chí phân bổ:

\* Đối với cấp tỉnh: Phân bổ 70% tổng kinh phí của Dự án.

Cơ quan chủ trì dự án và các cơ quan liên quan xây dựng cụ thể nội dung, nhiệm vụ tập huấn nâng cao năng lực và giám sát đánh giá thực hiện Chương trình hàng năm.

\* Đối với cấp huyện: Phân bổ 30% tổng kinh phí của Dự án.

- Tiêu chí:

Tiêu chí	Điểm
<b>1. Tỷ lệ hộ nghèo</b>	
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 6%:	0,50
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 6% đến dưới 10%:	0,55
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 10% trở lên:	0,60
<b>2. Quy mô hộ nghèo</b>	
- Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 3.000 hộ:	0,50
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ:	0,60
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 4.000 hộ trở lên:	0,70
<b>3. Tiêu chí về đơn vị hành chính</b>	
Một xã tính:	0,10

- Xác định vốn:

Tổng vốn bố trí cho 01 huyện = A x X.

Trong đó:

+ A: Định mức bình quân cho 01 huyện.

+ X: Tổng các hệ số theo 03 tiêu chí (tỷ lệ hộ nghèo + quy mô hộ nghèo + tiêu chí đơn vị hành chính).

### **Điều 6. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020**

Ngoài nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách trung ương, căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách, ngân sách địa phương đảm bảo bố trí vốn mức độ tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững để thực hiện Chương trình, trong đó: Ngân sách tỉnh đối ứng 70%, ngân sách huyện đối ứng 20%, ngân sách xã đối ứng 10%.

## **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa và tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết này, định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh Khóa XVII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 12 năm 2017./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Thông tin VP HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - tin học VP UBND tỉnh;
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT.

 **CHỦ TỊCH**  
**Lê Đình Sơn**

